TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	_____

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 11- 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lương Văn Nay

2/ Ông Võ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Anh Lương Hải Quan, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc *"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Ngọc Đ, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Khu phố B, phường L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Ngân G, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Khu phố B, phường L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai – nay là xã X, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày nội dung được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn và bị đơn qua tự tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai – nay là xã X, tỉnh Đồng Nai vào năm 2017. Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, lối sống, thường xuyên cãi vã, xung đột với nhau. Nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể nào hàn gắn,

mục đích của hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên cháu Trần Gia B, sinh năm 2019. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu giao cháu B cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 23/10/2025 bị đơn chị Phạm Thị Ngân G có lời khai xác nhận về thời gian chung sống; thời gian, địa điểm kết hôn; con chung; tài sản chung và nợ chung như anh Đ trình bày là đúng. Đồng thời, chị Phạm Thị Ngân G xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn không thể hoà giải, không thể hàn gắn và không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Tuy nhiên, do chị có tín ngưỡng tôn giáo (Đạo Thiên Chúa) nên chị Phạm Thị Ngân G không đồng ý thuận tình ly hôn mà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Toàn bộ tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Toà án thu thập được đã được công khai, tiếp cận đầy đủ tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên toà.*

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm B khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Trần Ngọc Đ và chị Phạm Thị Ngân G không còn, thường xuyên bất đồng về quan điểm, xung đột, cãi vã lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ có đơn yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu của anh Đ được ly hôn với chị G là có căn cứ cần được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

+ Về con chung tên Trần Gia B, sinh năm 2019 (06 tuổi 00 tháng 22 ngày). Đề nghị Tòa án giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng để đảm B chăm sóc, giáo dục cháu tốt nhất, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc anh Trần Ngọc Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và 300.000 án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Trần Ngọc Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Ngân G, yêu cầu giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng và anh Đ sẽ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện này thuộc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là "Ly hôn, tranh chấp

nuôi con và cấp dưỡng nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền:

Chị Phạm Thị Ngân G là bị đơn có nơi cư trú tại khu phố B, phường L, tỉnh Đồng Nai, là người bị nguyên đơn khởi kiện nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai – nay là xã X, tỉnh Đồng Nai nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là từ nhiều lý do khác nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không còn tôn trọng lẫn nhau và không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể nào hàn gắn và không thể nào tiếp tục chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị G cũng có lời khai xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có nhiều mâu thuẫn không thể hoà giải, không hàn gắn và không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Tuy nhiên, do chị có tín ngưỡng tôn giáo (Đạo Thiên Chúa) nên bị đơn không đồng ý thuận tình ly hôn với nguyên đơn mà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Cả nguyên đơn và bị đơn xác định trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Trần Gia B, sinh năm 2019, hiện đang do bị đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục giao con cho bị đơn nuôi dưỡng và bị đơn anh Đ sẽ cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng xác định từ trước đến nay cháu B do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Gia B và đồng ý anh Đ sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của cháu B cần tiếp tục giao cháu B cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) là phù hợp.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Ngọc Đ là nguyên đơn và là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử**:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Ngọc Đ đối với bị đơn chị Phạm Thị Ngân G, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Ngọc Đ được ly hôn với chị Phạm Thị Ngân G.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia B, sinh năm 2019 cho chị Phạm Thị Ngân G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con cho chị Phạm Thị Ngân G nuôi dưỡng cháu Trần Gia B số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) /1 tháng. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Gia B đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Ngân G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Ngọc Đ chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, anh Trần Ngọc Đ được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh Trần Ngọc Đ và chị Phạm Thị Ngân G được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Ngọc Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí anh Trần Ngọc Đ đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002515 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Anh Trần Ngọc Đ phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV4 - Đồng Nai;
- Phòng THADS KV4 -ĐN;
- UBND xã X, tỉnh Đồng Nai (Số 22/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoa